

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích khoảng 40.454,37 km² gồm 12 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc trung ương: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long. Tổng dân số hiện nay của các tỉnh miền Tây là 17.178.871 người, lực lượng lao động dồi dào cộng với ưu thế về

đòi hỏi phải có cơ chế quản lý nhà nước đồng bộ và linh hoạt trên cả ba bộ phận cấu thành là kinh tế, xã hội và môi trường.

Công tác quản lý nhà nước về môi trường ở các tỉnh miền Tây những năm qua đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Tuy nhiên, những tồn tại, hạn chế vẫn còn khá lớn khiến cho việc thực hiện tốt công tác này nhằm tiến tới sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở các địa phương còn

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM



âng cao hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường

Ở CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ

• *ThS. Nguyễn Thị Kiều Tuyền*

Sở Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ

vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đang đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trên toàn miền. Hơn hai mươi năm đổi mới, khu vực ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển, nhiều thách thức mới về môi trường cũng nảy sinh. Trên quan điểm phát triển bền vững thì phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường có quan hệ chặt chẽ và không thể tách rời nhau. Phát triển bền vững chỉ có thể đạt được khi cả ba mặt cấu thành của nó đều tồn tại, đó là môi trường trong lành, kinh tế ổn định và xã hội văn minh. Ba vấn đề quan trọng này cần phải luôn luôn được nghiên cứu trong không gian và thời gian xác định. Cùng với đó,

gặp nhiều khó khăn, bất cập. Bởi vậy, việc xây dựng một hệ thống đồng bộ các giải pháp nhằm khắc phục nhanh chóng các hạn chế, tăng cường hơn nữa hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về môi trường là vấn đề cấp thiết đặt ra.

Thực tiễn cho thấy, khi thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì công tác quản lý môi trường cũng phải mang đặc thù của nền kinh tế và thể chế quốc gia. Bởi vậy, nguyên tắc của quản lý Nhà nước về môi trường trong giai đoạn hiện nay ở nước ta nói chung và các tỉnh miền Tây nói riêng cần phải chú trọng theo các hướng sau:

Một là, quản lý theo hướng phát triển bền vững, trong đó kết hợp chặt chẽ các mục tiêu môi trường với các mục tiêu kinh tế, xã hội,

kết hợp các mục tiêu quốc gia với quốc tế, giữa cá nhân với cộng đồng.

Hai là, quản lý môi trường phải xuất phát từ quan điểm tiếp cận hệ thống và được thực hiện bằng nhiều công cụ, phương pháp thích hợp.

Ba là, quản lý môi trường theo cơ chế thị trường trên nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền", đây là nguyên tắc cơ bản, theo nguyên tắc này thì "người gây ô nhiễm phải chịu các khoản chi phí theo giá cả thị trường và phục hồi môi trường, bảo đảm lợi ích toàn xã hội".

Bốn là, hệ thống chính sách, cơ chế quản lý về môi trường phải dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi.

Trên cơ sở các định hướng trên và các nguyên tắc chung, có thể đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về môi trường ở các tỉnh miền Tây như sau:

1. Tiếp tục thực hiện tốt chiến lược quốc gia về môi trường. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh. Chú ý bảo đảm an toàn hóa chất, vệ sinh an toàn thực phẩm. Lồng ghép đầy đủ và cụ thể các vấn đề môi trường - tài nguyên vào các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, huyện và các chương trình, dự án... đảm bảo cho các quy hoạch phát triển bền vững và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá các giải pháp phát triển.

2. Không ngừng cải thiện chất lượng môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng tăng cường đa dạng sinh học ở các vùng nghèo, vùng cát, vùng hoang mạc, đầm lầy... đảm bảo tạo nguồn tài nguyên cho các hoạt động sản xuất của dân cư, nhất là người nghèo. Nâng cao chất lượng nước, tăng tỷ lệ người dân được cung cấp nước sạch.

Cải thiện chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, không ngừng nâng cao các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, sinh thái của các loại rừng.

Cải tạo các hệ sinh thái nghèo, tăng cường tính ổn định của các hệ sinh thái ở các vùng nhạy cảm như: vùng cát ven biển, vùng bãi triều, vùng đất trống, biển đảo,...

3. Tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội, ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn bằng cách khuyến khích sản xuất sạch, công nghệ thân thiện môi trường, hiệu quả cao về năng lượng, chất lượng và quản lý chặt chẽ vấn đề chất thải. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai lũ lụt gây ra. Cải tạo, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường trên các sông hồ, kênh mương, ruộng đồng, nhà ở... sau thiên tai, bão lụt; mở rộng cơ sở hạ tầng và dịch vụ ra ngoại ô, phát triển các đô thị vệ tinh, hình thành các cụm công nghiệp cấp huyện, xã, làng nghề ở nông thôn. Thực hiện các dự án cải tạo, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn, mở rộng các khu rừng bảo vệ lưu lượng nước, xây dựng các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng đặc dụng, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học. Phát triển và nâng cao chất lượng các vườn động vật ở trung tâm nghiên cứu và các vườn quốc gia để duy trì, bảo tồn các gen di truyền quý hiếm. Xây dựng các công trình làm sạch môi trường như xử lý rác, chất thải, nguồn nước thải, bụi, tiếng ồn... ở các thành phố, thị xã. Phát triển các công trình vệ sinh tự hoại ở nông thôn...

Có biện pháp phòng ngừa đối với các vấn đề môi trường, như sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý nước, quản lý chất thải và định cư hợp lý có liên quan tới các vấn đề phát triển. Thực hiện đánh giá tác động của môi trường đối với mọi dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thử nghiệm phương án, chính sách để tăng thêm sự tham gia của khu vực tư nhân trong các dự án sản xuất; đảm bảo tiếp cận lâu dài nguồn nước bằng cách tăng cường bảo vệ lưu vực đầu nguồn. Thúc đẩy các chính sách hỗ trợ và khuyến khích sản xuất sạch, công nghệ tốt với môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả. Chấm dứt tình trạng suy thoái

tài nguyên, môi trường, thực hiện bảo tồn và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên như bảo vệ khí quyển, chống nạn phá rừng, nhất là rừng đầu nguồn; tiếp tục đóng cửa các khu rừng ở những vùng sinh thái dễ bị tổn thương và những khu rừng tự nhiên đang bị xuống cấp; thực hiện chống hoang mạc hóa và hạn hán, phát triển bền vững vùng núi, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý công nghệ sinh học, quản lý nguồn nước ngọt, sử dụng an toàn hơn các hóa chất độc hại...

Quản lý đất đai một cách bền vững, quy hoạch sử dụng đất đai, nước và các dạng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm các loại hình kinh tế - sinh thái (ven biển, đảo biển, vùng núi, đô thị, đồng bằng...), chú trọng các khu vực đói nghèo, vùng sâu, vùng xa, thực hiện kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ tài nguyên môi trường. Có chính sách bảo đảm quyền lợi của người dân gắn với lợi ích của việc bảo vệ nguồn tài nguyên chung.

4. Chống cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm. Tăng cường giáo dục, vận động và kiểm soát việc chăn nuôi tại gia đình, chăn nuôi tập trung, sản xuất ở các làng nghề để giữ sạch vệ sinh môi trường làng, xã... Ưu tiên nhiều hơn vốn ngân sách hỗ trợ cho các địa bàn khó khăn, tập trung nhiều người nghèo. Các vùng khác áp dụng chính sách huy động cộng đồng, sự đóng góp của địa phương và người hưởng lợi để xây dựng các công trình nước sạch, chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường... Nhà nước hỗ trợ đầu tư các công trình tạo nguồn (bể chứa và một số vật tư, thiết bị khác), dành nguồn vốn ngân sách thích đáng với hình thức vốn trợ cấp và vay vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ nông dân phát triển các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn. Khuyến khích các tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ xã hội phát triển các dịch vụ môi trường như trồng vườn hoa, cây xanh, thu gom rác thải, phát triển các khu du lịch sinh thái, bảo tồn các vườn cây, chim, thú quý... Có chính sách khuyến khích áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải,

ít gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích sử dụng khí đốt sinh học ở các vùng nông thôn và phát triển năng lượng mặt trời, gió và các nguồn nhiệt năng khác. Sửa đổi về các quy định bảo vệ môi trường liên quan đến quá trình đầu tư để vừa đảm bảo quyền tự do đầu tư của công dân vừa đảm bảo không xuất hiện nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

5. Kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là hợp tác với các nước láng giềng, các nước trong khu vực bảo vệ môi trường thông qua chương trình giáo dục môi trường với nhiều hình thức, đặc biệt là trong hệ thống giáo dục phổ thông. Huy động và khuyến khích sự tham gia của mọi tầng lớp dân cư, của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và các hoạt động bảo vệ môi trường.

Thực hiện việc kiểm kê, đánh giá đầy đủ và cụ thể các dạng tài nguyên và nguồn lực, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo đói. Trên cơ sở đó quy hoạch cơ cấu sản xuất để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường. Tập trung đánh giá và báo cáo kịp thời 3 chỉ số về môi trường (tỷ lệ che phủ của rừng, mức độ tiếp cận với nước sạch, chất lượng nước và không khí) để làm công cụ quản lý. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động môi trường dựa trên cộng đồng để tăng nhận thức và sự tham gia của người dân.

Cần tiếp tục hoàn thiện, bổ sung và xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy định tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hiện luật tài nguyên nước, luật bảo vệ môi trường, luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và các văn bản pháp luật khác. Xây dựng cơ chế, chính sách thích hợp để áp dụng các công cụ kinh tế và huy động được sự tham gia của cộng đồng với công tác bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam. Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 ■